TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 299/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06/8/2026.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hiếu Nghĩa.
2. Ông Trần Hoàng Mến.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Thị Diễm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 -An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang*** *tham gia phiên toà*: Bà Thị Kim Lài – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 783/2026/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026, về việc: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 321/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 280/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Loan T - sinh năm 1997, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trí P - sinh năm 1995, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2026, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Loan T như sau:

Bà và ông Nguyễn Trí P sống chung với nhau từ năm 2019, hôn nhân tự nguyện, vợ chồng ông bà không có tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 29/8/2023.

Vợ chồng ông bà sống chung hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chồng bà không lo làm ăn, không quan tâm vợ con, thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, đi chơi qua đêm, mỗi lần nói ra là vợ chồng cự cãi, không có tiếng nói chung, bà khuyên can nhiều lần nhưng ông P không chịu thay đổi, vợ chồng không thể hòa hợp được. Từ tháng 12 năm 2025 đến nay vợ chồng ông bà đã sống ly thân. Hiện vợ chồng không còn khả năng chung sống với nhau được nữa và bà không còn tình cảm với ông Nguyễn Trí P nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Trí P.

Thời gian chung sống vợ chồng ông bà có 01 người con chung tên Nguyễn Trí T1 – sinh ngày 09/8/2020, hiện nay ông P đang nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông bà không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà cam đoan vợ chồng bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng:

Về hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Trí P.

Về con chung: Bà đồng ý giao con chung tên Nguyễn Trí T1 – sinh ngày 09/8/2020 cho ông Nguyễn Trí P tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Trí P đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Trí P không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông Nguyễn Trí P.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ kiện; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do là không tuân thủ pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Lê Loan T được ly hôn với ông Nguyễn Trí P. Về con chung, tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên Viện kiểm sát không có đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Lê Loan T và ông Nguyễn Trí P là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025.

[1.1] Ông Nguyễn Trí P là bị đơn trong vụ án, ông Nguyễn Trí P có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi ông đăng ký hộ khẩu thường trú, hiện nay ông Nguyễn Trí P vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên. Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Nguyễn Trí P vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Trí P.

[1.2] Bà Lê Loan T có đơn xin vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của bà Lê L T không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử cũng như nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Lê Loan T.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Loan T và ông Nguyễn Trí P sống chung với nhau vào năm 2019, hôn nhân tự nguyện, vợ chồng ông bà không có tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 148/2023, ngày 29/8/2023, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của bà Lê Loan T và ông Nguyễn Trí P là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy hôn nhân của bà Lê Loan T và ông Nguyễn Trí P là hôn nhân tự nguyện, ông bà sống hạnh phúc từ năm 2019 đến năm 2023 và có 01 người con chung nhưng vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn không tự giải quyết được. Bà Lê Loan T cho rằng do chồng bà không lo làm ăn, không quan tâm vợ con, thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, đi chơi qua đêm, mỗi lần nói ra là vợ chồng cự cãi, không có tiếng nói chung, bà khuyên can nhiều lần nhưng ông P không chịu thay đổi, vợ chồng không thể hòa hợp được. Từ tháng 12 năm 2025 đến nay vợ chồng ông bà đã sống ly thân. Ngày 21/5/2026 và ngày 09/6/2026, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông Nguyễn Trí P vắng mặt. Xét thấy, vợ chồng ông bà đã ly thân tính đến ngày xét xử đã hơn 06 tháng, trong thời gian ly thân bà T và ông Nguyễn Trí P vẫn còn liên lạc với nhau nhưng không tìm được tiếng nói chung gắn kết hôn nhân, khi Tòa án mời ông Nguyễn Trí P đến Tòa án để hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ thì ông Nguyễn Trí P không có mặt cho thấy ông không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này và cho thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Bà Lê Loan T cương quyết xin ly hôn với ông Nguyễn Trí P và tỏ rõ thái độ không còn tình cảm yêu thương ông Nguyễn Trí P, vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Loan T.

[4] Về con chung: Bà Lê Loan T và ông Nguyễn Trí P có 01 người con chung tên Nguyễn Trí T1 – sinh ngày 09/8/2020, hiện nay ông Nguyễn Trí P đang nuôi dưỡng. Bà Lê Loan T đồng ý giao con chung tên Nguyễn Trí T1 – sinh ngày 09/8/2020 cho ông Nguyễn Trí P tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Loan T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Tại phiên tòa sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Lê Loan T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 305059, ngày 14/4/2026, của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Loan T.

Về hôn nhân: Xử cho bà Lê Loan T ly hôn với ông Nguyễn Trí P.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Loan T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 305059, ngày 14/4/2026, của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND cùng cấp;
-THADS;
-Các đương sự;
-UBND xã Định Hòa;
-Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang